

MỤC LỤC

NỘI DUNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015

BÁO CÁO LỢI NHUẬN BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

QUẢN TRỊ TỰ MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

02 - 03

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

04

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

05 - 06

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

07

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

08

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

09

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

10 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Hải Dương	Chủ tịch
Ông Trần Việt Anh	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Thọ	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Nhĩ Thăng Long	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Cẩm La Hương	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 14/05/2015)
Ông Nguyễn Lâm Tùng	Giám đốc chi nhánh

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2015 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Chứng khoán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA



Vũ Nhĩ Thăng Long

Phó Tổng giám đốc

(Giấy ủy quyền số 50/2015/CT.HĐQT-UQ ngày 15/07/2015)

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2015

Số 402...-15/BC-TC/I-VAE

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 được lập ngày 15 tháng 07 năm 2015 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia (sau đây gọi tắt là "Công ty") được trình bày từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo kết quả công tác soát xét được lập thành bảy (07) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia giữ sáu (06) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ một (01) bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Hùng Sơn
Phó Tổng giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Nguyễn Thị Hồng Vân
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2013-034-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2015	01/01/2015
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		162.378.984.576	198.176.017.721
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	160.473.693.305	194.206.128.632
1 Tiền	111		160.473.693.305	194.206.128.632
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	19.721.606	20.536.738
1 Đầu tư ngắn hạn	121		30.822.184	32.617.684
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(11.100.578)	(12.080.946)
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.12	1.683.908.965	3.508.387.694
1 Phải thu của khách hàng	131		-	-
2 Trả trước cho người bán	132		5.500.000	33.000.000
3 Phải thu nội bộ	133		-	-
4 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		1.678.408.965	2.983.394.707
5 Các khoản phải thu khác	138		-	491.992.987
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV Hàng tồn kho	140		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		201.660.700	440.964.657
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	473.399
5 Tài sản ngắn hạn khác	158	V.3	201.660.700	440.491.258
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		4.469.591.096	4.107.935.617
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		1.370.936.066	1.636.856.433
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	63.761.387	166.936.104
- Nguyên giá	222		1.128.670.106	1.128.670.106
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.064.908.719)	(961.734.002)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.5	1.307.174.679	1.469.920.329
- Nguyên giá	228		4.710.008.794	4.680.008.794
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.402.834.115)	(3.210.088.465)
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		3.098.655.030	2.471.079.184
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	496.259.555	161.831.815
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.7	2.474.895.125	2.181.747.019
4. Tài sản dài hạn khác	268		127.500.350	127.500.350
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		166.848.575.672	202.283.953.338

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2015	01/01/2015
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		14.132.377.139	52.498.551.642
I Nợ ngắn hạn	310		14.132.377.139	52.498.551.642
2 Phải trả người bán	312	V.8	150.000.000	-
3 Người mua trả tiền trước	313		50.000.000	50.000.000
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	1.145.509.796	1.576.788.702
5 Phải trả người lao động	315		658.193.854	843.373.615
6 Chi phí phải trả	316	V.10	62.000.000	97.000.000
8 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	V.11	11.894.451.966	49.394.086.550
9 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.14	142.727.777	183.917.727
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		179.577	179.577
13 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		29.314.169	353.205.471
II Nợ dài hạn	330		-	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		152.716.198.533	149.785.401.696
I Vốn chủ sở hữu	410	V.13	152.716.198.533	149.785.401.696
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		170.000.000.000	170.000.000.000
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		219.857.812	219.857.812
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		528.621.659	528.621.659
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(18.032.280.938)	(20.963.077.775)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		166.848.575.672	202.283.953.338

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2015	01/01/2015
6. Chứng khoán lưu ký	684.582.850.000	41.600.372.900
6.1. Chứng khoán giao dịch	640.021.260.000	41.600.372.900
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	640.021.260.000	41.600.372.900
6.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	3.750.000.000	-
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	3.750.000.000	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	22.164.720.000	-
- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	22.164.720.000	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	22.396.870.000	-
- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	22.396.870.000	-

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc

Phạm Hồng Thương

Phạm Thị Chiên

Vũ Như Thăng Long



(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
1 Doanh thu	01	V.15	11.729.244.361	8.081.584.478
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		3.342.162.279	2.325.092.357
Doanh thu hoạt động đầu tư CK, góp vốn	01.2		1.037.400	336.600
Doanh thu bảo lãnh phát hành CK	01.3		-	-
Doanh thu đại lý phát hành CK	01.4		-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		331.363.636	226.363.636
Doanh thu lưu ký CK	01.6		305.719.594	338.842.610
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
Doanh thu khác	01.9		7.748.961.452	5.190.949.275
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		11.729.244.361	8.081.584.478
4 Chi phí hoạt động kinh doanh	11	V.16	2.983.701.616	2.392.606.576
5 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		8.745.542.745	5.688.977.902
6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.19	4.988.403.503	3.882.411.838
7 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20 - 25}	30		3.757.139.242	1.806.566.064
8 Thu nhập khác	31		-	-
9 Chi phí khác	32		-	-
10 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	-
11 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.757.139.242	1.806.566.064
12 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	826.342.405	-
13 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
14 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.930.796.837	1.806.566.064
15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		172	106

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc

Phạm Hồng Thương

Phạm Thị Chiển

Vũ Như Thăng Long

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

Mẫu B 03a - CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.757.139.242	1.806.566.064
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		295.920.367	308.475.555
- Các khoản dự phòng	03		(980.368)	(4.861.556)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(101.448.408)	(95.814.122)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.950.630.833	2.014.365.941
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.531.330.623	62.037.645.537
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(38.105.786.879)	(51.907.733.209)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(333.954.341)	(172.709.325)
- Tiền lãi vay phải trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.086.730.029)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		905.323.125	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(666.492.567)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(33.805.679.235)	11.971.568.944
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(30.000.000)	(48.400.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		1.795.500	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		101.448.408	95.814.122
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		73.243.908	47.414.122
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(33.732.435.327)	12.018.983.066
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		194.206.128.632	121.896.931.347
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1	160.473.693.305	133.915.914.413

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

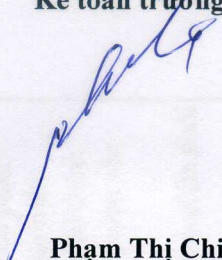
Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc

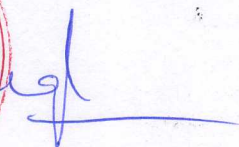


Phạm Hồng Thương



Phạm Thị Chiên





Vũ Như Thăng Long

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ												
		01/01/2015		01/01/2014		Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015		Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014												
		Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm											
A																				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	B	170.000.000.000	170.000.000.000	2	-	-	-	3	4	7	8	170.000.000.000	170.000.000.000							
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		219.857.812	219.857.812	-	-	-	-	-	-	-	-	219.857.812	219.857.812							
8. Quỹ dự phòng tài chính		528.621.659	528.621.659	-	-	-	-	-	-	-	-	528.621.659	528.621.659							
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-							
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(20.963.077.775)	(28.682.224.336)	2.930.796.837	-	1.806.566.064	-	-	-	-	-	(18.032.280.938)	(26.875.658.272)							
Cộng		149.785.401.696	142.066.255.135	2.930.796.837	-	1.806.566.064	-	1.806.566.064	-	152.716.198.533	143.872.821.199	152.716.198.533	143.872.821.199							

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Phó Tổng giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập



Phạm Hồng Thương

Phạm Thị Chiến

0222
NG
HIỆM
AN VÀ
T H
4y

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

(tiếp theo)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 0103015005 ngày 11/12/2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 27/UBCK-GPHĐKD ngày 15/12/2006, Quyết định số 49/UBCK-GP ngày 05/03/2009, Quyết định số 196/UBCK-GCN ngày 05/03/2009, Quyết định 89/GPĐC-UBCK ngày 31/05/2012, Quyết định số 97/GPĐC-UBCK ngày 04/7/2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 29/GPĐC-UBCK ngày 17/06/2013 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với số vốn điều lệ là 170.000.000.000 đồng. Ngày 17/06/2014 Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán cấp Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK về việc thay đổi người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 34B Hàn Thuyên, Phạm Đình Hồ, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel : (84-4) 3944 5474 Fax : (84-4) 3944 5475

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh, tư vấn, môi giới chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán./.

4. Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty tại ngày 30/6/2015 là 46 người**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Công ty cũng lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến 30 tháng 6 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán áp dụng cho Công ty Chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 tại thuyết minh số VI.16.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

(tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành đối với Công ty chứng khoán.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về đầu tư chứng khoán, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**2.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản**Thời gian khấu hao (năm)**

Thiết bị dụng cụ quản lý

03 - 05

2.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm quản lý giao dịch và phần mềm kế toán.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản**Thời gian khấu hao (năm)**

Phần mềm máy tính

03 - 10

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh có thời hạn thu hồi dưới một năm, được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày đầu tư.

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm: Chi phí thuê nhà, thuê văn phòng, chi phí dịch vụ trả trước, công cụ dụng cụ có giá trị lớn và các chi phí khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ tối đa là 3 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

(tiếp theo)

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

6. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận khi hoạt động mua và bán chứng khoán được thực hiện.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn của chứng khoán.

Doanh thu ứng trước tiền mua chứng khoán được xác định trên cơ sở số tiền ứng trước mua chứng khoán và lãi ứng trước tiền mua chứng khoán được quy định tại hợp đồng và phụ lục hợp đồng ứng trước tiền mua chứng khoán.

Doanh thu từ lãi tiền gửi tại các ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Việc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 17 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	101.494.190	100.192.345
Tiền gửi ngân hàng	160.372.199.115	194.105.936.287
- Trong đó: Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	37.495.962.325	49.372.405.713
Tổng cộng	160.473.693.305	194.206.128.632

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Địa chỉ: Số 34B Hàn Thuyên, Phạm Đình Hổ, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: (84-4) 3944 5474 Fax: (84-4) 3944 5475

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015
đến 30/06/2015

Mẫu B09a - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

2. Tình hình đầu tư tài chính ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		So với thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường		Ghi chú
	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Tăng		Giảm		Đầu kỳ	Cuối kỳ	
					Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ			
I. Chứng khoán thương mại			32.617.684	30.822.184	8.441.002	8.798.094	12.080.946	11.100.578	26.579.240	26.121.200	
BHS	6	6	75.660	75.660	-	4.740	7.260	-	68.400	80.400	
BMC	3	3	288.800	288.800	-	-	211.100	222.500	77.700	66.300	
CIC	90	90	2.398.500	2.398.500	-	-	-	-	-	-	
CTN	11	11	143.040	143.040	-	-	80.340	103.440	62.700	39.600	
DHA	9	9	299.700	299.700	-	-	176.400	145.800	123.300	153.900	
DHI	-	38	1.795.500	-	-	-	-	-	1.795.500	-	
DRC	2	2	8.850	8.850	102.150	97.150	-	-	111.000	106.000	
EBS	20	20	174.671	174.671	-	-	651	6.671	174.020	168.000	
GMC	6	6	134.344	134.344	75.656	125.456	-	-	210.000	259.800	
GTA	8	8	118.560	118.560	11.040	20.640	-	-	129.600	139.200	
HAI	16	8	108.622	108.622	115.378	41.778	-	-	224.000	150.400	
HAS	6	6	34.450	34.450	-	-	850	2.050	33.600	32.400	
HAX	3	3	83.077	83.077	-	-	55.177	56.077	27.900	27.000	
HBC	16	15	171.690	171.690	58.710	212.310	-	-	230.400	384.000	
HNM	60	60	915.840	915.840	-	-	141.840	147.840	774.000	768.000	
HPC	135	135	1.911.985	1.911.985	-	-	1.290.985	1.398.985	621.000	513.000	
ITA	7	7	150.800	150.800	-	-	96.900	105.300	53.900	45.500	
KDC	1	1	130.150	130.150	-	-	80.950	87.350	49.200	42.800	
KHA	2	2	34.200	34.200	15.000	25.600	-	-	49.200	59.800	
KHP	4	4	72.020	72.020	-	-	17.620	22.820	54.400	49.200	
KLS	62	62	773.959	773.959	-	-	135.359	184.959	638.600	589.000	
LAF	3	3	103.200	103.200	-	-	68.100	64.200	35.100	39.000	
MHC	8	8	251.500	251.500	-	-	125.100	135.500	126.400	116.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Địa chỉ: Số 34B Hàn Thuyên, Phạm Đình Hồ, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel. (84-4) 3944 5474 Fax: (84-4) 3944 5475

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015
đến 30/06/2015

Mẫu B09a - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		So với thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường		Ghi chú
	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Tăng		Giảm		Đầu kỳ	Cuối kỳ	
					Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ			
PET	1	1	77.050	77.050	-	-	57.350	59.750	19.700	17.300	
POT	9	9	176.594	176.594	-	-	47.894	41.594	128.700	135.000	
PPC	7	7	322.148	322.148	-	-	137.348	170.248	184.800	151.900	
PPG	90	90	-	-	333.000	198.000	-	-	333.000	198.000	
PVT	2	2	56.833	56.833	-	-	30.233	32.833	26.600	24.000	
RAL	2	2	112.600	112.600	-	-	23.600	18.600	89.000	94.000	
REE	5	5	196.500	196.500	-	-	59.000	62.000	137.500	134.500	
RIC	6	6	103.264	103.264	-	-	-	45.664	103.264	57.600	
S55	192	96	1.926.144	1.926.144	5.445.312	4.966.656	-	-	7.371.456	6.892.800	
S99	76	76	595.371	595.371	240.629	134.229	-	-	836.000	729.600	
SAM	6	6	93.472	93.472	-	-	17.272	23.272	76.200	70.200	
SAP	45	45	806.431	806.431	-	-	131.431	203.431	675.000	603.000	
SD5	173	79	2.468.892	2.468.892	-	281.808	392.892	-	2.076.000	2.750.700	
SD7	41	41	2.214.000	2.214.000	-	-	1.742.500	1.812.200	471.500	401.800	
SD9	68	68	983.552	983.552	-	-	31.552	85.952	952.000	897.600	
SIC	72	72	1.518.264	1.518.264	-	-	1.035.864	402.264	482.400	1.116.000	
SJE	80	80	3.563.500	3.563.500	-	-	2.227.500	1.835.500	1.336.000	1.728.000	
STB	7	7	176.748	176.748	-	-	50.748	46.548	126.000	130.200	
STC	60	60	1.092.000	1.092.000	-	120.000	24.000	-	1.068.000	1.212.000	
TCR	6	6	68.094	68.094	-	-	31.494	40.494	36.600	27.600	
TMC	12	12	232.380	232.380	-	-	94.380	82.380	138.000	150.000	
TPH	12	12	-	-	86.400	180.000	-	-	86.400	180.000	
UNI	7	7	105.448	105.448	-	-	51.548	36.848	53.900	68.600	
VC2	77	77	1.751.040	1.751.040	-	-	603.740	634.540	1.147.300	1.116.500	
VCB	6	6	585.068	585.068	-	-	393.068	292.268	192.000	292.800	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

2. Tình hình đầu tư tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường		Ghi chú
	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Tăng		Giảm		Đầu kỳ	Cuối kỳ	
					Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ			
VCS	70	70	-	-	1.890.000	2.338.000	-	-	1.890.000	2.338.000	
VIC	4	3	122.273	122.273	67.727	51.727	-	-	190.000	174.000	
VIP	1	1	19.588	19.588	-	-	7.188	8.388	12.400	11.200	
VSP	62	62	2.153.742	2.153.742	-	-	2.042.142	2.054.542	111.600	99.200	
VTS	62	62	917.570	917.570	-	-	359.570	427.770	558.000	489.800	
Tổng cộng	-	-	32.617.684	30.822.184	8.441.002	8.798.094	12.080.946	11.100.578	26.579.240	26.121.200	

(*) Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh đóng cửa tại ngày 30/06/2015.

(*) Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá bình quân trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp bởi tối thiểu 3 công ty chứng khoán, giá niêm yết trên các tạp chí đầu tư chứng khoán tại thời điểm 30/06/2015 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

(tiếp theo)

3. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tạm ứng	191.660.700	430.491.258
Phạm Thị Chiến	-	284.999.758
Nguyễn Thị Thúy Hằng	53.400.000	38.400.000
Nguyễn Thị Thanh Lan	136.260.700	18.400.000
Các đối tượng khác	2.000.000	88.691.500
Ký quỹ, ký cược	10.000.000	10.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	10.000.000	10.000.000
Tổng cộng	201.660.700	440.491.258

4. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Đơn vị tính: VND	
	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình		
Số dư 01/01/2015	1.128.670.106	1.128.670.106
Số dư 30/6/2015	1.128.670.106	1.128.670.106
Giá trị đã hao mòn lũy kế		
Số dư 01/01/2015	961.734.002	961.734.002
Khấu hao trong năm	103.174.717	103.174.717
Số dư 30/6/2015	1.064.908.719	1.064.908.719
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2015	166.936.104	166.936.104
Tại ngày 30/6/2015	63.761.387	63.761.387
Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.020.986.266 VND		

5. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Đơn vị tính: VND	
	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định		
Số dư 01/01/2015	4.680.008.794	4.680.008.794
- Mua trong năm	30.000.000	30.000.000
Số dư 30/6/2015	4.710.008.794	4.710.008.794
Giá trị đã hao mòn		
Số dư 01/01/2015	3.210.088.465	3.210.088.465
Khấu hao trong năm	192.745.650	192.745.650
Số dư 30/6/2015	3.402.834.115	3.402.834.115
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2015	1.469.920.329	1.469.920.329
Tại ngày 30/6/2015	1.307.174.679	1.307.174.679
Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 150.000.000 VND		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

(tiếp theo)

6. Chi phí trả trước dài hạn	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	496.259.555	161.831.815
Tổng cộng	496.259.555	161.831.815
7. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Tiền nộp ban đầu	319.929.007	319.929.007
- Tiền nộp bổ sung	2.090.927.338	1.679.328.466
- Tiền lãi phân bổ trong năm	64.038.780	182.489.546
Tổng cộng	2.474.895.125	2.181.747.019
8. Phải trả người bán	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty Goline	150.000.000	-
Tổng cộng	150.000.000	-
9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	7.218.716	62.945.434
Thuế thu nhập doanh nghiệp	582.801.157	843.188.781
Thuế thu nhập cá nhân	555.489.923	670.654.487
Tổng cộng	1.145.509.796	1.576.788.702
10. Chi phí phải trả	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng	22.000.000	75.000.000
Thù lao HĐQT	-	22.000.000
Trích trước chi phí nghỉ mát	40.000.000	-
Tổng cộng	62.000.000	97.000.000
11. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	217.148	217.148
Bảo hiểm xã hội	29.760.200	-
Bảo hiểm y tế	4.804.650	-
Bảo hiểm thất nghiệp	2.135.400	-
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	11.829.581.156	49.372.405.713
Phải trả, phải nộp khác	27.953.412	21.463.689
Tổng cộng	11.894.451.966	49.394.086.550

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Địa chỉ: Số 34B Hàn Thuyên, Phạm Đình Hồ, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel : (84-4) 3944 5474 Fax (84-4) 3944 5475

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015
đến 30/06/2015

Mẫu B09a - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
(tiếp theo)

12. Các khoản phải thu ngắn hạn

Chỉ tiêu	Phát sinh trong kỳ				30/06/2015		Đơn vị tính: VND		
	Tổng số	Trong đó số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số		Trong đó số quá hạn	Số khó đòi
1. Phải thu của khách hàng	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch CK	2.983.394.707	-	-	3.462.681.469	4.767.667.211	1.678.408.965	-	-	-
- Phải thu của TTGDCK	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về GDCK	43.645.436	-	-	1.834.137.993	1.827.917.940	49.865.489	-	-	-
Phải thu khách hàng nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán	2.939.749.271	-	-	1.628.543.476	2.939.749.271	1.628.543.476	-	-	-
3. Phải thu khác	491.992.987	-	-	-	491.992.987	-	-	-	-
Lãi từ hợp đồng tiền gửi, lãi cho vay	491.992.987	-	-	-	491.992.987	-	-	-	-
4. Trả trước cho người bán	33.000.000	-	-	5.500.000	33.000.000	5.500.000	-	-	-
Tổng cộng	3.508.387.694	-	-	3.468.181.469	5.292.660.198	1.683.908.965	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Địa chỉ: Số 34B Hàn Thuyên, Phạm Đình Hồ, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: (84-4) 3944 5474 Fax: (84-4) 3944 5475

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘcho kỳ hoạt động từ 01/01/2015
đến 30/06/2015**Mẫu B09a - CTCK****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

(tiếp theo)

13. Nguồn vốn chủ sở hữu**13.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Cho năm tài chính kết thúc ngày

31/12/2014

Tại ngày 01/01/2014

Lợi nhuận sau thuế trong kỳ

Tại ngày 31/12/2014

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015

đến 30/06/2015

Tại ngày 01/01/2015

Lợi nhuận sau thuế trong kỳ

Tại ngày 30/06/2015

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
170.000.000.000	219.857.812	528.621.659	(28.682.224.336)	142.066.255.135
-	-	-	7.719.146.561	7.719.146.561
170.000.000.000	219.857.812	528.621.659	(20.963.077.775)	149.785.401.696
170.000.000.000	219.857.812	528.621.659	(20.963.077.775)	149.785.401.696
-	-	-	2.930.796.837	2.930.796.837
170.000.000.000	219.857.812	528.621.659	(18.032.280.938)	152.716.198.533

Mẫu B09a - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

(tiếp theo)

13.2. Cổ phiếu

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.000.000	17.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	17.000.000	17.000.000
Cổ phiếu phổ thông	17.000.000	17.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.000.000	17.000.000
Cổ phiếu phổ thông	17.000.000	17.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

14. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải trả người đầu tư về giao dịch chứng khoán	142.727.777	183.917.727
Tổng cộng	142.727.777	183.917.727

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

15. Doanh thu

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	3.342.162.279	2.325.092.357
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.037.400	336.600
Doanh thu hoạt động tư vấn	331.363.636	226.363.636
Doanh thu lưu ký chứng khoán	305.719.594	338.842.610
Doanh thu khác	7.748.961.452	5.190.949.275
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	100.411.008	95.814.122
Doanh thu phí nhận được từ hợp đồng hợp tác với VAB	-	4.328.690.272
Doanh thu dịch vụ nhượng quyền nhận tiền bán	698.772.544	670.657.210
Doanh thu khác	6.949.777.900	95.787.671
Tổng cộng	11.729.244.361	8.081.584.478

16. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	819.439.622	1.230.909.327
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	16.706.941	15.224.778
Chi phí hoạt động tư vấn	10.454.545	25.555.113
Chi phí lưu ký chứng khoán	-	38.253.322
Chi phí hoạt động kinh doanh khác	2.137.100.508	1.082.664.036
Tổng cộng	2.983.701.616	2.392.606.576

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

(tiếp theo)

17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
	đến 30/06/2015	đến 30/06/2014
	VND	VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	11.729.244.361	8.081.584.478
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	7.972.105.119	6.275.018.414
Thu nhập chịu thuế	3.757.139.242	1.806.566.064
Thu nhập được miễn thuế	1.037.400	-
Các khoản lỗ được kết chuyển	-	(1.806.566.064)
Thu nhập tính thuế	3.756.101.842	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	826.342.405	-

18. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	160.473.693.305	194.206.128.632
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	19.721.606	20.536.738
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.678.408.965	3.475.387.694
Tổng cộng	162.171.823.876	197.702.053.064
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	12.044.451.966	49.394.086.550
Tổng cộng	12.044.451.966	49.394.086.550

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30/6/2015 do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

(tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty chịu rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản vay gốc. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày càng sớm nhất mà Công ty

30/06/2015	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	12.187.179.743	-	12.187.179.743
01/01/2015	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	49.578.004.277	-	49.578.004.277

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Nhưng Ban giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	160.473.693.305	-	160.473.693.305
Các khoản đầu tư tài chính	19.721.606	-	19.721.606
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.678.408.965	-	1.678.408.965

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

(tiếp theo)

01/01/2015	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	194.206.128.632	-	194.206.128.632
Các khoản đầu tư tài chính	20.536.738	-	20.536.738
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.475.387.694	-	3.475.387.694
19. Chi phí quản lý doanh nghiệp		Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
		VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý		2.793.603.222	2.025.366.151
Chi phí đồ dùng văn phòng		361.387.098	85.649.948
Chi phí khấu hao TSCĐ		272.961.556	308.475.555
Chi phí dịch vụ mua ngoài		1.277.588.929	1.152.345.401
Chi phí bằng tiền khác		282.862.698	310.574.783
Tổng cộng		4.988.403.503	3.882.411.838

VII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập Ban giám đốc được hưởng trong kỳ

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Lương	621.756.571	493.923.167
Thù lao Hội đồng quản trị	120.000.000	
Tổng cộng	741.756.571	493.923.167

2. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 và Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam.

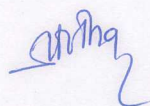
Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

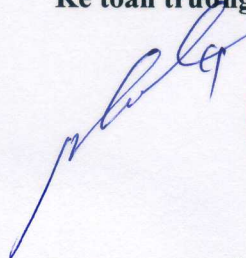
Người lập

Kế toán trưởng

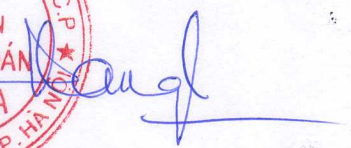
Phó Tổng giám đốc



Phạm Hồng Thương



Phạm Thị Chiến

Vũ Nữ Thăng Long

